

Số: 46 /BC-BQLQ

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả công tác thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2017; nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm 2018.

Thực hiện Nghị định số 94/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa năm 2017; Ban Quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa (cơ quan quản lý Quỹ PCTT cấp tỉnh) báo cáo kết quả công tác thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2017; nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm 2018 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2017:

1. Công tác tham mưu chỉ đạo, điều hành.

- Tổng hợp kế hoạch thu Quỹ năm 2017 của các địa phương, đơn vị, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 với tổng kế hoạch thu Quỹ là 61,346 tỷ đồng, trong đó: Các huyện, thị xã, thành phố là 28,616 tỷ đồng; lực lượng vũ trang là 806,616 tỷ đồng; các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh là 1,051 tỷ đồng; các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh quản lý là 30,872 tỷ đồng;

- Tham mưu cho Văn phòng UBND tỉnh tổ chức cuộc họp bàn về các giải pháp đẩy mạnh công tác thu và sử dụng Quỹ PCTT năm 2017 do Phó Chủ tịch Thường trực Nguyễn Đức Quyền chủ trì và ban hành Thông báo kết luận số 126/TB-UBND ngày 05/7/2016;

- Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT đôn đốc các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp triển khai và hoàn thành kế hoạch thu, nộp Quỹ năm 2017, đồng thời triển khai một số nội dung về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đóng góp Quỹ phòng chống thiên tai theo Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ tại các văn bản: Số 3768/SNN&PTNT-BQLQ ngày 07/12/2017; số 2004/SNN&PTNT- BQLQ ngày 11/7/2017;

- Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các sở, ngành (Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh), báo cáo UBND tỉnh giải đáp các kiến nghị, vướng mắc của địa phương, đơn vị về công tác thu, nộp Quỹ; với Sở Tài chính ban hành Hướng dẫn liên ngành số 1580/LN: STC-SNN&PTNT ngày 24/4/2017 về việc sử dụng, thanh, quyết toán nguồn tiền hỗ trợ từ Quỹ PCTT;

- Kịp thời ban hành các văn bản thông báo, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện kế hoạch thu Quỹ năm 2017 đến các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp theo Quyết định 1813/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh tại các văn

bản: Số 103/BQLQ-PCTT ngày 02/6/2017; số 104/BQLQ-PCTT ngày 02/6/2017; số 114/BQLQ-PCTT ngày 08/6/2017 và đơn đốc, hướng dẫn thu tại các văn bản: số 201/BQLQ-PCTT ngày 29/9/2017; số 260/BQLQ-PCTT ngày 13/12/2017; số 183/BQLQ-PCTT ngày 05/9/2017; số 224/BQLQ-PCTT ngày 31/10/2017.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền

Năm 2017, Cơ quan quản lý Quỹ PCTT cấp tỉnh đã chủ động phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh (TTV) xây dựng 09 bản tin tuyên truyền, thời lượng gần 5 phút, được phát trên kênh TTV, đồng thời đăng tải các bản tin tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT; Phối hợp với Báo Thanh Hóa đăng 05 bài tuyên truyền, tổ chức in ấn 4.000 sổ tay tuyên truyền và kịp thời giải đáp các thắc mắc của người dân, cơ quan, doanh nghiệp thông qua số điện thoại hoặc bằng văn bản.

Qua đó, đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cộng đồng, người dân và các cấp chính quyền trong việc xã hội hóa công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, từ đó thuận lợi cho công tác triển khai thu các nguồn đóng góp Quỹ theo quy định.

3. Tham mưu miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp

Trên cơ sở đề nghị của các doanh nghiệp; ý kiến các sở, ngành liên quan (Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh), đã tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT đã đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định về miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ PCTT đối với giá trị tài sản hiện có (2/10.000), với tổng số tiền là 345,361 triệu đồng tại Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh; đề nghị xem xét miễn, giảm, tạm hoãn cho: Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta, Chi nhánh Công ty cổ phần Sữa Việt Nam – Nhà máy Sữa Lam Sơn, Công ty cổ phần đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung, Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu tại Công văn số 2534/SNN&PTNT-BQLQ ngày 23/8/2017; Công ty cổ phần Đường sắt Thanh Hóa tại Công văn số 3008/SNN&PTNT-BQLQ ngày 04/10/2017; Công ty cổ phần Thiện Xuân – Lam Sơn theo giá trị tài sản tại Công văn số 809/SNN&PTNT-BQLQ ngày 12/12/2017.

Nội dung miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ PCTT trong năm 2017: Doanh nghiệp bị thiệt hại do thiên tai phải xử lý, khắc phục lớn hơn 2/10.000 tổng giá trị tài sản hiện có theo quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 6, Nghị định số 94/NĐ-CP của Chính phủ; doanh nghiệp được ưu đãi miễn thuế theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Nghị định số 94/2014/NĐ-CP của Chính phủ; các đối tượng thuộc diện miễn đóng góp theo quy định tại Khoản 1, Điều 6, Nghị định số 94/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Kết quả thực hiện thu, chi và giải ngân Quỹ PCTT năm 2017.

4.1. Kết quả thu:

Lũy kế thu Quỹ từ năm 2016 đến nay được là: **46.860,0** triệu đồng, trong đó: Kết quả thu năm 2017 (đến ngày 28/02/2018) là **25.982,4** triệu đồng (tại phụ biểu 01 kèm theo), cụ thể theo từng đối tượng thu, nộp như sau:

** CBCCVC-LĐ các sở, ban, ngành, đơn vị, cơ quan tổ chức Đảng, đoàn thể cấp tỉnh đóng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa: 1.141,3 triệu đồng, đạt*

109% kế hoạch. Tuy nhiên, bên cạnh các đơn vị thực hiện tốt công tác thu, nộp Quỹ vẫn còn một số sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh chưa triển khai thực hiện, hoặc thực hiện chưa đầy đủ. (Có phụ lục 01 kèm theo).

* **UBND các huyện, thị xã, thành phố thu, nộp:** 17.937,5 triệu đồng, đạt 63% kế hoạch. Một số huyện có số thu cao như: Quan Hóa, Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Như Thanh, Ngọc Lặc,..... Tuy nhiên, kết quả thu, nộp Quỹ của các huyện, thị xã, thành phố đạt thấp hơn kế hoạch giao; thời gian thu nộp chưa đảm bảo tiến độ; việc thu Quỹ tại các doanh nghiệp do Chi cục Thuế cấp huyện quản lý đều đạt rất thấp, còn một số địa phương không triển khai việc thu khoản đóng góp này của doanh nghiệp. (Có phụ lục 02 kèm theo).

* **Lực lượng vũ trang:** 806,617 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch, trong đó: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đóng góp 285 triệu đồng; Công an tỉnh 300 triệu đồng; Bộ đội biên phòng tỉnh 187,3 triệu đồng; Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy tỉnh 34,317 triệu đồng. (Có phụ lục 03 kèm theo).

* **Các tổ chức hạch toán độc lập (bao gồm các Doanh nghiệp) do Cục Thuế tỉnh quản lý nộp trực tiếp về Cơ quan Quản lý Quỹ cấp tỉnh:** 5.454,1 triệu đồng, đạt 18% kế hoạch. (Có phụ lục 04 kèm theo).

* **Các đơn vị thuộc huyện thu gửi trực tiếp về Quỹ cấp tỉnh:** 122,524 triệu đồng. (Có phụ lục 05 kèm theo).

* **Số tiền thu theo kế hoạch năm 2016 chuyển sang năm 2017:** 484,319 triệu đồng. (Có phụ lục 06 kèm theo).

4.2. Kết quả chi và giải ngân Quỹ:

Năm 2017, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã phê duyệt, hỗ trợ kinh phí từ nguồn Quỹ PCTT tỉnh là **1.971,8** triệu đồng, trong đó: Hỗ trợ cho Sở Tài nguyên Môi trường (Chi cục Biên và Hải đảo) tại Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 là 680 triệu đồng, cho Văn phòng Thường trực Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh là 1.291,8 triệu đồng (tại Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 là 901,8 triệu đồng, tại Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 là 390 triệu đồng);

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị cấp kinh phí của các cơ quan, đơn vị, Cơ quan quản lý Quỹ PCTT cấp tỉnh đã giải ngân tổng kinh phí là **1.950,0** triệu đồng. Nội dung chi, là hỗ trợ cho các đơn vị mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất, công cụ hỗ trợ phục vụ ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh.

4.3. Số dư tài khoản đến thời điểm hiện tại

Đến ngày 28/02/2018 tổng số tiền thu Quỹ PCTT tại tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh là: **44.909,3 triệu đồng** (Có bản xác nhận số dư tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa kèm theo). Trong đó:

- Kinh phí đã có kế hoạch phân bổ kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai năm 2017 theo Quyết định Thanh Hóa tại Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 Chủ tịch UBND tỉnh là **19.700,0** triệu đồng. Hiện tại Quỹ phòng, chống thiên tai đã thông báo và hướng dẫn trình tự thủ tục và hồ sơ để cấp kinh phí cho các địa phương, đơn vị theo quy định.

- Kinh phí chưa có kế hoạch chi: **25.187,2** triệu đồng.

II. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC:

2.1. Về tổ chức, vận hành quản lý Quỹ.

- Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ không quy định về chi quản lý (Văn phòng phẩm, công tác phí, khấu hao tài sản, in ấn biên lai thu...) tại cấp tỉnh, cấp huyện từ nguồn thu Quỹ PCTT hàng năm; chỉ hỗ trợ chi thù lao cho người trực tiếp đi thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ tại cấp xã nhưng không quá 5% số thu thực tế hàng năm trên địa bàn cấp xã.

- Với bản chất là nguồn thu xã hội hoá, nhưng chưa có cơ chế khuyến khích công tác thu, do đó chưa tạo ra động lực, chưa gắn được vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý Thuế trong việc quản lý, đôn đốc thu, nộp Quỹ đối với các tổ chức hạch toán độc lập (các doanh nghiệp). Bên cạnh đó, theo quy định tại Nghị định số 94/2014/NĐ-CP của Chính phủ, tài khoản thu Quỹ PCTT mở tại Kho bạc nhà nước (không gửi tại Ngân hàng thương mại), do vậy nguồn tiền này sẽ không được phát sinh lãi trong khi chưa sử dụng, do đó không gia tăng thêm nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

2.2. Về công tác thu:

- Năm 2017, là năm bị ảnh hưởng lớn bởi thiên tai, lũ lụt xảy ra trên địa bàn một số huyện gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế của người dân, doanh nghiệp, do đó đã ảnh hưởng đến việc thực hiện thu, nộp Quỹ đạt thấp so với kế hoạch.

- Một số huyện, thị xã, thành phố chưa thật sự quyết liệt trong công tác thu, nộp Quỹ; Công tác thông tin, tuyên truyền tại các địa phương còn hạn chế, dẫn đến kết quả thu, nộp đạt thấp; triển khai thu nộp còn chậm và chưa đúng thời hạn.

- Việc thu khoản đóng góp theo giá trị tài sản của doanh nghiệp và người lao động trong các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, do ý thức của người đứng đầu doanh nghiệp chưa tốt; chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ PCTT, đặc biệt đối với các doanh nghiệp.

2.3. Về nội dung chi Quỹ:

Hiện tại, chưa có Thông tư hướng dẫn về cơ chế quản lý, sử dụng Quỹ để thống nhất chung trên toàn quốc; nội dung chi Quỹ không đề cập đến việc lập kế hoạch, phương án và diễn tập phòng, chống thiên tai ở cấp tỉnh, cấp huyện (chỉ quy định cho cấp xã), điều này gây khó khăn cho các địa phương, đơn vị trong việc đề xuất các hoạt động hỗ trợ từ Quỹ Phòng, chống thiên tai của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2018

1. Phối hợp với Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương trong việc tổ chức thu các khoản đóng góp Quỹ PCTT.

2. Phối hợp chặt chẽ với phòng chuyên môn Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính, UBND cấp huyện kịp thời giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh, phấn đấu

đạt được mức thu cao nhất. Đẩy mạnh sự phối hợp giữa các bên liên quan (Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, Sở tài chính, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan) để tham mưu thực hiện giải ngân chi quỹ, phục vụ cho công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai năm 2018.

3. Thực hiện việc cấp phát kịp thời kinh phí hỗ trợ từ Quỹ sau khi có Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh. Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí của các đơn vị sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh có quyết định hỗ trợ.

4. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan kịp thời giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh, đẩy mạnh sự phối hợp giữa các bên liên quan (Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, Sở Tài chính, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan) để tham mưu thực hiện giải ngân chi quỹ, phục vụ cho công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai năm 2018.

5. Thực hiện công khai nguồn thu, chi Quỹ PCTT theo quy định tại Nghị định 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ.

6. Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, nhân sự làm công tác quản lý Quỹ PCTT, bồi dưỡng nghiệp vụ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Tăng cường đầu mối với các bộ, ngành Trung ương, Nhà tài trợ để vận động, thu hút các nguồn vốn viện trợ, tài trợ, ủy thác của các tổ chức, cá nhân phục vụ công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh.

7. Phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành xử phạt vi phạm về đóng góp và Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định tại Điều 11, Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.

IV. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục triển khai hiệu quả về Quỹ Phòng chống thiên tai năm 2018 và những năm tiếp theo, Ban Quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và PCTT tỉnh Thanh Hóa đề nghị cấp có thẩm quyền một số nội dung sau:

1. Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT:

Báo cáo và đề nghị UBND tỉnh xem xét chỉ đạo việc tổ chức thu Quỹ Phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành tăng cường việc thu các khoản đóng góp Quỹ PCTT trong phạm vi quản lý theo quy định; thực hiện việc theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, địa phương theo quy định tại Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh

- Đề nghị cho phép Ban Quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng chống thiên tai (cơ quan Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh) chủ động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn hưởng lương từ nguồn tự trang trải của đơn vị để thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ PCTT, do Quỹ PCTT là nguồn thu từ việc xã hội hoá, có số thu tương đối lớn, hoạt động của Quỹ thường xuyên, phạm vi đối tượng rộng.

2. Đề nghị Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai:

Báo cáo, đề xuất với Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ, trong đó cần quy định rõ một số nội dung:

- Cho phép mở tài khoản Quỹ PCTT tại các ngân hàng thương mại để gia tăng nguồn hỗ trợ cho hoạt động phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai; vì Quỹ PCTT không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

- Quy định cụ thể về trình tự, thủ tục xét miễn, giảm và tạm hoãn đóng góp Quỹ PCTT; trình tự, thủ tục và hồ sơ thanh, quyết toán Quỹ PCTT.

- Có cơ chế khuyến khích công tác thu Quỹ đối với các đơn vị, địa phương (UBND cấp huyện, Chi cục Thuế cấp huyện) trực tiếp tham gia thu Quỹ./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo TW về PCTT&TKCN (báo cáo);
- Văn phòng UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- Sở NN&PTNT (báo cáo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://snnptnt.thanhhoa.gov.vn>;
- Lưu: VT, BQLQ (2).

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
Lê Công Cường

Mẫu số: 05- ĐCSDTK/KBNN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4377/QĐ-KBNN
ngày 15/9/2017 của TGD KBNN)

BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KBNN

Tháng 2/ năm 2018

Tên đơn vị: Ban quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá

Mã ĐVQHNS: 9083324

Địa chỉ giao dịch: Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa

Tài khoản số: 3761.0.9083324.91049 Cấp Mã CTMT, DA và HTCT: 91049,00000,92008

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Đơn vị: đồng Nguyên nhân
Số dư đầu kỳ	44,645,840,962	44 645 840 962	0	
Phát sinh tăng trong kỳ	263,520,996	263 520 996		
Phát sinh giảm trong kỳ				
Số dư cuối kỳ	44,909,361,958	44 909 361 958		

....., ngày ..5...tháng..2...năm ..2018

....., ngày ..05...tháng..2...năm 2018..

Xác nhận của Kho bạc Nhà nước

Đơn vị sử dụng ngân sách

Kiểm soát

Giám đốc ⁽¹⁾

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản



(Ký tên, đóng dấu)



Phạm Thị Phương
GIÁM ĐỐC
Lê Công Cường



Phụ lục 01: Tổng hợp kết quả thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh, năm 2017
 (Kèm theo Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

TT	Đơn vị	Tổng số tiền đóng góp Quỹ theo kế hoạch (tại Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Kết quả thu (tính đến ngày 28/02/2018)	Tỉ lệ thu so với kế hoạch (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Các Sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trên địa bàn thành phố	1.051.433.306	1.141.360.522	109	Tại Phụ lục 01
II	UBND các huyện, thị xã, thành phố.	28.616.167.390	17.973.524.213	63	Tại Phụ lục 02
1	TP Thanh Hóa	3.677.813.515	1.012.687.485	28	
2	TX Bim Sơn	264.438.893	221.085.626	84	
3	Thành phố Sầm Sơn	629.232.750	431.542.722	69	
4	Huyện Vĩnh Lộc	796.969.000	546.050.500	69	
5	Huyện Nông Cống	1.390.920.684	1.000.000.000	72	
6	Huyện Thiệu Hóa	965.127.000	992.244.196	103	
7	Huyện Triệu Sơn	1.383.933.516	1.136.807.489	82	
8	Huyện Yên Định	1.308.903.000	777.470.640	59	
9	Huyện Thọ Xuân	1.633.565.000	1.539.593.700	94	
10	Huyện Hà Trung	1.081.136.000	506.540.000	47	
11	Huyện Đông Sơn	416.417.212	235.517.637	57	
12	Huyện Tĩnh Gia	3.112.903.000	1.356.729.000	44	
13	Huyện Quảng Xương	987.929.000	800.000.000	81	
14	Huyện Hoằng Hóa	1.566.250.294	1.256.013.393	80	
15	Huyện Hậu Lộc	1.340.201.004	1.029.783.500	77	
16	Huyện Nga Sơn	1.535.346.861	818.431.000	53	
17	Huyện Như Thanh	571.652.254	536.534.096	94	
18	Huyện Thạch Thành	1.098.372.000	495.000.000	45	
19	Huyện Cẩm Thủy	811.194.000	687.518.400	85	
20	Huyện Ngọc Lặc	1.039.476.000	967.285.399	93	
21	Huyện Như Xuân	559.517.000	136.000.000	24	
22	Huyện Thường Xuân	517.057.007	187.306.324	36	
23	Huyện Lang Chánh	284.000.000	145.157.400	51	
24	Huyện Bá Thước	697.981.237	470.738.000	67	
25	Huyện Quan Hóa	305.766.594	406.566.820	133	
26	Huyện Quan Sơn	333.345.000	170.785.000	51	
27	Huyện Mường Lát	306.719.569	110.135.886	36	
III	Lực lượng vũ trang	806.616.366	806.617.000	100	Tại Phụ lục 03
1	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	285.000.000	285.000.000	100	
2	Công an tỉnh	300.000.000	300.000.000	100	
3	Bộ đội biên phòng tỉnh	187.300.000	187.300.000	100	
4	Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tỉnh	34.316.366	34.317.000	100	
IV	Thu của doanh nghiệp do Cục Thuế quản lý	50.872.340.000	5.543.915.558	17	Tại Phụ lục 04
V	Đơn vị thuộc huyện thu gửi trực tiếp về Quỹ		232.722.894		Tại Phụ lục 05
VI	Truy thu năm 2016 chuyển sang		484.319.992		Tại Phụ lục 06
	TỔNG CỘNG:	61.346.557.062	25.982.460.179	42	



Phụ lục 01: Tổng hợp kết quả thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai từ khối các cơ quan cấp tỉnh, năm 2017
 (Kèm theo Báo cáo số 46 /BC-BQLQ ngày 13 /03 /2018 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

DVT: VN đồng

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền đã nộp về Quỹ cấp tỉnh (Tính đến ngày 28/02/2018)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	739.896.338	
1	VP Đoàn đại biểu Quốc Hội	3.215.136	
2	Văn phòng HĐND tỉnh	15.790.000	
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	28.813.000	
4	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	24.720.000	
5	Sở Nông nghiệp và PTNT	45.655.900	
6	Sở Tư pháp	1.536.000	
7	Sở Công thương	20.625.000	
8	Sở Xây dựng	11.348.000	
9	Sở Giao thông vận tải	61.475.600	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	16.598.000	
11	Sở Nội vụ	11.255.400	
12	Sở Tài chính	13.585.190	
13	Sở Y tế	383.837.752	
14	Sở Khoa học và Công nghệ	15.288.000	
15	Sở Thông tin và Truyền thông	7.588.000	
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	69.360.360	
17	Sở Ngoại vụ	3.855.000	
18	Ban Dân tộc	5.350.000	
II	CƠ QUAN THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	174.340.184	
1	Tòa án nhân dân tỉnh TH	10.053.000	
2	Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh TH	27.830.000	
3	Kho bạc Nhà nước tỉnh TH	15.397.000	
4	Ngân hàng Nhà nước tỉnh TH	11.857.000	
5	Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	8.820.000	
6	Cục Thuế tỉnh TH	51.000.000	
7	Cục Hải quan tỉnh TH	10.000.000	
8	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa	6.272.531	
9	Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa	24.283.653	
10	Cảng vụ Hàng hải tỉnh TH	8.827.000	
III	CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI	96.173.000	
1	Tỉnh ủy Thanh Hóa	47.774.000	
2	Tỉnh đoàn	4.600.000	
3	Liên đoàn Lao động tỉnh	11.348.000	
4	IJB MTTQ tỉnh	6.785.000	
5	Hội Nông dân tỉnh	6.582.000	
6	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	3.200.000	
7	Hội Cựu chiến binh tỉnh	1.500.000	
8	Hội Văn học Nghệ thuật	2.386.000	
9	Hội Chữ thập đỏ	2.120.000	
10	Hội Đông y	1.100.000	
11	Liên hiệp hội khoa học và KT	1.073.000	
12	Hội Luật gia	700.000	
13	Hội Nhà báo	1.050.000	
14	Liên minh các HTX tỉnh Thanh Hóa	5.955.000	
IV	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CẤP TỈNH	130.951.000	

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền đã nộp về Quỹ cấp tỉnh (Tính đến ngày 28/02/2018)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	38.699.000	
2	Trường chính trị tỉnh	15.000.000	
3	Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch	20.834.000	
4	Trường Đại học Hồng Đức	20.000.000	
5	Trường Cao đẳng Y tế	10.000.000	
6	Trường Cao đẳng Thể dục thể thao	13.171.000	
7	Trường Cao đẳng Nông lâm TH	4.838.000	
8	BQL tiểu dự án hỗ trợ phòng chống HIV-AIDS	5.400.000	
9	Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, DL	3.009.000	
	TỔNG	1.141.360.522	

Phụ lục 02: Tổng hợp kết quả thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai từ các huyện, thị xã, thành phố, năm 2017
 (Kèm theo Báo cáo số 46/BC-BQLQ ngày 13/03/2018 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

DVT: VN Đồng

STT	Đơn vị/Địa phương	Số tiền phải thu theo kế hoạch	Số tiền thực tế thu được (Tính đến ngày 28/02/2018)	Tỷ lệ thực hiện %	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	TP Thanh Hóa	3.677.813.515	1.012.687.485	28	
2	TX Bim Sơn	264.438.893	221.085.626	84	
3	Thành phố Sầm Sơn	629.232.750	431.542.722	69	
4	Huyện Vĩnh Lộc	796.969.000	546.050.500	69	
5	Huyện Nông Cống	1.390.920.684	1.000.000.000	72	
6	Huyện Thiệu Hóa	965.127.000	992.244.196	103	
7	Huyện Triệu Sơn	1.383.933.516	1.136.807.489	82	
8	Huyện Yên Định	1.308.903.000	777.470.640	59	
9	Huyện Thọ Xuân	1.633.565.000	1.539.593.700	94	
10	Huyện Hà Trung	1.081.136.000	506.540.000	47	
11	Huyện Đông Sơn	416.417.212	235.517.637	57	
12	Huyện Tĩnh Gia	3.112.903.000	1.356.729.000	44	
13	Huyện Quảng Xương	987.929.000	800.000.000	81	
14	Huyện Hoằng Hóa	1.566.250.294	1.256.013.393	80	
15	Huyện Hậu Lộc	1.340.201.004	1.029.783.500	77	
16	Huyện Nga Sơn	1.535.346.861	818.431.000	53	
17	Huyện Như Thanh	571.652.254	536.534.096	94	
18	Huyện Thạch Thành	1.098.372.000	495.000.000	45	
19	Huyện Cẩm Thủy	811.194.000	687.518.400	85	
20	Huyện Ngọc Lặc	1.039.476.000	967.285.399	93	
21	Huyện Như Xuân	559.517.000	136.000.000	24	
22	Huyện Thường Xuân	517.057.007	187.306.324	36	
23	Huyện Lang Chánh	284.000.000	145.157.400	51	
24	Huyện Bá Thước	697.981.237	470.738.000	67	
25	Huyện Quan Hóa	305.766.594	406.566.820	133	
26	Huyện Quan Sơn	333.345.000	170.785.000	51	
27	Huyện Mường Lát	306.719.569	110.135.886	36	
Tổng		28.616.167.390	17.973.524.213	63	

Phụ lục 03; Tổng hợp kết quả thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai từ khối lực lượng vũ trang năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 46/BC-BQLQ ngày 13/03/2018 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)



ĐVT: VN Đồng

STT	Đơn vị	Số tiền phải thu theo kế hoạch	Số tiền thực tế thu được (Tính đến ngày 28/02/2018)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	
1	Bộ Chỉ huy quân sự quân sự tỉnh	285.000.000	285.000.000	
2	Công an tỉnh	300.000.000	300.000.000	
3	Bộ đội biên phòng tỉnh	187.300.000	187.300.000	
4	Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tỉnh	34.316.366	34.317.000	
	Tổng	806.616.366	806.617.000	



Phụ lục 04: Tổng hợp kết quả thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai từ các đơn vị hạch toán độc lập do Cục thuế tỉnh quản lý, năm 2017
 Kế hoạch Báo cáo số: 46 /BC-BQLQ ngày 13 / 03/ 2018 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

DVT: VN Đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Số tiền phải thu theo kế hoạch			Số tiền thực tế thu được			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)
1	Công ty cổ phần secpentin và Nhân bốn TH	65.176.000	56.117.000	9.059.000	13.265.000			
2	Công ty TNHH MTV Tân Thành 9	36.388.000	26.904.000	9.484.000	38.388.000	28.904.000	9.484.000	
3	Công ty cổ phần bê tông thương, phẩm Thanh Hóa	20.646.000	3.077.000	17.569.000	20.646.000	3.077.000	17.569.000	
4	Công ty cổ phần chế biến sục sản xuất khẩu Thanh Hóa	3.564.000	1.468.000	2.096.000	3.564.000			
5	Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa	167.383.000	100.000.000	67.383.000	167.383.000	100.000.000	67.383.000	
6	Công ty TNHH Đức Anh	10.042.000	6.249.000	3.793.000	800.000			
7	Công ty cổ phần XD và TM thiên Phú Sơn	15.961.000	9.772.000	6.189.000	6.189.000			
8	Công ty truyền tải điện I- Truyền tải điện TH	898.000		898.000	898.000		898.000	
9	Công ty cổ phần đầu giá tài sản Thanh Hóa	999.000	500.000	499.000	999.000			
10	Công ty TNHH tuyết long	9.071.000	6.775.000	2.296.000	5.702.063			
11	Công ty Lâm nghiệp Lang Chánh	1.865.000		1.865.000	1.865.000			
12	Công ty cổ phần Dạ Lan	56.069.000	24.224.000	31.845.000	56.069.000			
13	Công ty cổ phần nước mắm Thiên Hương Thanh Hóa	3.086.000	1.089.000	1.997.000	3.086.000			
14	Công ty cổ phần tư vấn XD Thủy Lợi	11.495.000	2.211.000	9.284.000	8.300.000	2.200.000	6.100.000	
15	Chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu vật tư thiết bị đường sắt-Xí nghiệp vật tư và dịch vụ Thanh Hóa	4.019.000	2.022.000	1.997.000	500.000			
16	Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta	375.316.000	100.000.000	275.316.000	225.936.154		225.936.154	Tam hoãn đóng góp theo giá trị tài sản tại QĐ 3397/QĐ-UBND ngày 11/9/2017
17	Công ty cổ phần tiên phong- chi nhánh Thanh Hóa	3.694.000		3.694.000	4.046.000		4.046.000	
18	Công ty điện lực Thanh Hóa	161.320.000		161.320.000	161.320.000			
19	Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa	137.365.000	31.948.000	105.417.000	137.365.000			
20	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế T.hóa	178.989.000	91.541.000	87.448.000	93.812.000	79.437.000	14.375.000	
21	Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam- chi nhánh Thanh Hóa	109.809.000		109.809.000	135.158.698			



TT	Tên doanh nghiệp	Số tiền phải thu theo kế hoạch			Số tiền thực tế thu được			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)
22	Công ty cổ phần đầu tư thương mại Lam Sơn	35.271.000	31.577.000	3.694.000	35.271.000			
23	Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	46.686.000	6.721.000	39.965.000	46.686.000			
24	Công ty cổ phần Phân bón Lam Sơn	24.843.000	19.514.000	5.329.000	24.843.000	19.514.000	5.329.000	
25	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Điện Thanh Hóa	1.892.000	1.193.000	699.000	1.892.000			
26	Công ty cổ phần quản lý và xây dựng đường	17.822.000	3.746.000	14.076.000	17.822.000			
27	Công ty cổ phần VICEM bao bì Bim Sơn	64.258.000	40.000.000	24.258.000	64.700.000	24.700.000	40.000.000	
28	Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Thanh Hóa	30.906.000	22.221.000	8.685.000	28.353.500	22.221.000	6.132.500	
29	Tổng công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Thanh Hóa	6.105.000	3.410.000	2.695.000	3.630.000	1.630.000	2.000.000	
30	Chi nhánh công ty cổ phần quản lý sân Golf Biscom	30.874.000	500.000	30.374.000	36.426.841			
31	Công ty cổ phần Bảo hiểm nhân hàng Nông nghiệp- chi nhánh Thanh Hóa	4.592.000		4.592.000	4.592.000			
32	Công ty cổ phần dược phẩm Thanh Hóa	4.165.000	3.167.000	998.000	4.165.000	3.167.000	998.000	
33	Công ty TNHH In Kyung Vina Co.,LTD	75.335.000	21.959.000	53.376.000	75.335.000	21.959.000	53.376.000	
34	Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất thanh Hóa	30.929.000	26.488.000	4.441.000	120.827.321	51.927.321	68.900.000	
35	Công ty cổ phần May BTM	46.406.000	2.000.000	44.406.000	10.000.000			
36	Công ty TNHH MTV Thành Công	11.084.000	2.798.000	8.286.000	5.000.000	1.500.000	3.500.000	
37	Công ty TNHH hai thành viên FLC Lam Sơn	15.488.000	6.429.000	9.059.000	9.577.000	2.664.000	6.913.000	
38	Công ty cổ phần Công nông nghiệp tiến nông	158.876.000	94.887.000	63.989.000	50.000.000			
39	Công ty cổ phần sữa Việt Nam -Nhà máy sữa Lam Sơn	118.069.000	100.000.000	18.069.000	17.846.400			Giảm mức đóng góp theo giá trị tài sản tại QĐ 3379/QĐ-UBND ngày 11/9/2017
40	Liên danh Samsung.CC47	25.385.000	25.385.000		15.385.000			
41	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	112.178.000	65.285.000	46.893.000	112.178.000			
42	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín CNTH	16.471.000		16.471.000	12.500.000			
43	Công ty cổ phần MFCT	3.288.000	1.092.000	2.196.000	2.700.000			
44	Ngân hàng BIDV Bim Sơn	6.490.000	500.000	5.990.000	7.587.000		7.587.000	
45	Công ty cổ phần thương mại tân thành phát	25.937.000	15.755.000	10.182.000	24.320.000			
46	Công ty TNHH KD VT TH Phú Hùng	33.464.000	28.672.000	4.792.000	33.464.000			
47	Công ty cổ phần xây dựng và DV TM Hoàng Thành	6.505.000	4.009.000	2.496.000	2.500.000			

TT	Tên doanh nghiệp	Số tiền phải thu theo kế hoạch			Số tiền thực tế thu được			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)
48	Công ty cổ phần sản xuất chế biến nông lâm sản và VTNN Phúc Thịnh	8.881.000	0	8.881.000	8.881.000			
49	Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng miền trung	151.910.000	100.000.000	51.910.000	151.910.000			
50	Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hóa	32.553.000	18.610.000	13.943.000	32.554.000	18.562.000	13.992.000	
51	Chi nhánh xí nghiệp tài nguyên và môi trường 7- Tổng công ty tài nguyên và môi trường Việt Nam	23.084.000	6.213.000	16.871.000	7.920.000		7.920.000	
52	Công ty TNHH Tân Nam Phong	16.795.000	10.107.000	6.688.000	16.018.514	10.107.000	5.911.514	
53	Công ty TNHH MTV Sông Chu	212.205.000	100.000.000	112.205.000	100.812.800		100.812.800	Miễn đóng góp theo giá trị tài sản tại QĐ 3379/QĐ-UBND ngày 11/9/2017
54	Công ty TNHH Fruit of the loor 1 Việt Nam	98.734.000	35.589.000	63.145.000	105.149.769	35.589.000	69.560.769	
55	Công ty TNHH Sunhomes laboratory Việt Nam	9.195.000	3.333.000	5.862.000	9.195.016	3.333.000	5.862.016	
56	Công ty cổ phần TDXD Miền Trung- TTĐK xe CG 36.03D	6.456.000	3.262.000	3.194.000	6.457.000			
57	Công ty TNHH Dầu thực vật khu vực miền Bắc Việt Nam	102.396.000	100.000.000	2.396.000	2.307.732		2.307.732	
58	Công ty TNHH Đức Thành	48.308.000	23.851.000	24.457.000	13.698.000			
59	Công ty cổ phần thiết bị giáo dục Hồng Đức	30.611.000	10.147.000	20.464.000	10.000.000			
60	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Điện Hải Xuân VNECO	105.091.000	100.000.000	5.091.000	53.000.000			
61	Công ty TNHH Đường mía Việt Nam- Đài Loan	102.576.000	100.000.000	2.576.000	125.840.800			
62	Công ty TNHH Duyệt Cường	32.400.000	9.309.000	23.091.000	32.400.000			
63	Viện quy hoạch kiến trúc Thanh Hóa	28.048.000	17.248.000	10.800.000	28.048.000	17.248.000	10.800.000	
64	Trường trung cấp nghề giao thông vận tải Thanh Hóa	43.459.000	21.298.000	22.161.000	43.459.000	22.759.000	20.700.000	
65	Trung tâm Dịch vụ phát thanh truyền hình và tổ chức sự kiện Thanh Hoá	52.923.000	24.672.000	28.251.000	2.183.000	1.185.000	998.000	
66	Công ty cổ phần tập đoàn miền rúi	52.923.000	24.672.000	28.251.000	16.000.000			
67	Công ty cổ phần sản xuất thương mại Cẩm Trương	42.678.000	17.811.000	24.867.000	20.000.000			
68	Công ty cổ phần điện máy 259	10.776.000	8.879.000	1.897.000	7.536.000			
69	Công ty Bảo minh Thanh Hóa	6.589.000	0	6.589.000	2.100.000			
70	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hugo lee	12.262.000	2.582.000	9.680.000	6.131.000			



TT	Tên doanh nghiệp	Số tiền phải thu theo kế hoạch			Số tiền thực tế thu được			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)
71	Công ty cổ phần Mía đường Nông Công	96.274.000	51.158.000	45.116.000	81.522.380	51.158.000	30.364.380	
72	Công ty cổ phần sản xuất thương mại và đầu tư Việt Thanh	96.693.000	5.551.000	91.142.000	44.930.000	1.700.000	43.230.000	
73	Công ty xăng dầu Thanh Hóa	101.724.000	59.897.000	41.827.000	101.724.000	59.897.000	41.827.000	
74	Công ty cổ phần thủy điện Xuân Minh	24.865.000	23.799.000	1.066.000	12.432.500			
75	Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn	165.721.000	100.000.000	65.721.000	165.721.000			
76	Công ty cổ phần Nông sản Phú Gia	60.241.000	33.987.000	26.254.000	51.097.000			
77	Công ty cổ phần mía đường Thanh Hóa	18.485.000	15.110.000	3.375.000	10.930.000	7.555.000	3.375.000	
78	Công ty cổ phần cảng Thanh Hóa	21.055.000	8.876.000	12.179.000	14.376.000	8.876.000	5.500.000	
79	Công ty TNHH MTV thương mại Bia Thanh Hóa	120.022.000	67.314.000	52.708.000	36.460.000			
80	Tổng công ty Công trình giao thông 1 Thanh Hóa	80.837.000	71.054.000	9.783.000	45.000.000			
81	Xí nghiệp tư vấn giám sát và thí nghiệm vật liệu xây dựng	1.299.000	500.000	799.000	600.000			
82	Doanh nghiệp tư nhân Trần hoàn	8.157.000	6.560.000	1.597.000	8.158.000			
83	Công ty TNHH Tea il beauty	8.555.000	1.068.000	7.487.000	7.968.000			
84	Công ty TNHH Hoàng Hà Sơn	28.195.000	17.813.000	10.382.000	15.000.000			
85	Công đoàn cơ sở ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển	15.473.000		15.473.000	13.457.174			
86	Tổng công ty cổ phần Hàm rồng Thanh Hóa	27.726.000	6.762.000	20.964.000	9.181.000	6.211.000	2.970.000	
87	Công ty Cổ phần giấy bao bì in báo	20.707.000	8.229.000	12.478.000	4.000.000			
88	Công ty TNHH 888	116.875.000	40.707.000	76.168.000	87.506.000			
89	Công ty cổ phần Bia Thanh Hóa	120.022.000	67.314.000	52.708.000	110.800.000	63.800.000	47.000.000	
90	Công ty TNHH Đức Lộc	11.136.000	7.043.000	4.093.000	1.515.300	500.000	1.015.300	
91	Công ty cổ phần chợ Lam Sơn	10.957.000	5.966.000	4.991.000	4.300.000			
92	Công ty TNHH Một thành viên Sông Âm	5.920.000	3.344.000	2.576.000	4.577.000			
93	Công ty TNHH may Man Secon Global	69.350.000	4.606.000	64.744.000	57.057.692			
94	Công ty TNHH Xây dựng thương mại Thanh Hóa	10.205.000	6.120.000	4.085.000	6.000.000	4.000.000	2.000.000	
95	Công ty TNHH Tiên Sinh	11.929.000	10.332.000	1.597.000	11.929.000			
96	Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Thanh Hóa	13.863.000	12.865.000	998.000	15.117.903			
97	Công ty TNHH Đông Hải	49.082.000	4.160.000	44.922.000	15.000.000			

TT	Tên doanh nghiệp	Số tiền phải thu theo kế hoạch			Số tiền thực tế thu được			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)
98	Công ty cổ phần giống Lâm Nghiệp	4.986.000	993.000	3.993.000	1.800.000	500.000	1.300.000	
99	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hugo lee	12.262.000	2.582.000	9.680.000	6.131.000			
100	Công ty cổ phần Thiện Xuân - Lam Sơn	86.318.000	68.449.000	17.869.000	11.634.346	0	11.634.346	
101	Công ty cổ phần Lương thực Thanh Hóa	12.933.000	9.239.000	3.694.000	11.989.000			
102	Công ty cổ phần gạch Tuynel FLC-DO Len Hậu Lộc	19.831.000	16.190.000	3.641.000	19.831.000			
103	Công ty TNHH Hoàng Tuấn	60.625.000	39.861.000	20.764.000	60.625.000	39.861.000	20.764.000	
104	Công ty cổ phần cơ khí ô tô 19-5	32.629.000	11.266.000	21.363.000	49.820.000			
105	Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000			
106	Công ty TNHH may mặc xuất khẩu APPARELTE	334.271.000	26.183.000	308.088.000	26.183.000	26.183.000		
107	Công ty cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa	112.078.000	100.000.000	12.078.000	90.000.000			
108	Tổng công ty xây dựng Thanh F.óa	327.205.000	100.000.000	227.205.000	111.600.000			
109	Công ty TNHH Giấy ARESA Việt Nam	185.356.000	45.399.000	139.957.000	45.399.000			
110	Công ty Cổ phần Gang thép Nghi Sơn	117.470.000	100.000.000	17.470.000	119.184.536			
111	Công ty TNHH LD Phân bón Hữu Nghị	19.078.000	11.192.000	7.886.000	15.192.000			
112	Công ty TNHH S&H Vina	491.007.000	500.000	490.507.000	237.074.619	0	237.074.619	
113	Công ty TNHH giày Rollsport Việt Nam	1.859.642.000	100.000.000	1.759.642.000	100.000.000			
114	Công ty TNHH giày Aleron - hưng fu Việt Nam	1.164.450.000	100.000.000	1.064.450.000	100.000.000			
115	Công ty TNHH giày Sun Jade	1.293.626.000	100.000.000	1.193.626.000	100.000.000			
116	Công ty TNHH giày Alena Việt Nam	586.067.000	100.000.000	486.067.000	100.000.000			
117	Công ty TNHH Winners Vina	634.280.000	55.938.000	578.342.000	55.938.000			
118	Tổng Công ty đầu tư xây dựng và Thương mại Anh Phát	178.064.000	100.000.000	78.064.000	178.064.000	100.000.000	78.064.000	
119	Công ty TNHH giày Venus Việt Nam	661.468.000	100.000.000	561.468.000	100.000.000			
120	Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa	167.383.000	100.000.000	67.383.000	16.003.500			
121	Công ty TNHH đầu tư và phát triển Hong fu Việt Nam	10.914.000	8.917.000	1.997.000	8.917.000			
122	Công ty cổ phần dược- vật tư y tế thanh hóa	178.989.000	91.541.000	87.448.000	87.675.000			
Tổng		13.523.627.000	3.857.173.000	9.666.454.000	5.343.915.558	841.924.321	1.305.510.130	

HỘI ĐỒNG



Phụ lục 05: Tổng hợp thu nộp quỹ phòng chống thiên tai từ các đơn vị thuộc huyện thu gửi trực tiếp về Quỹ cấp tỉnh, năm 2017

Kết theo Báo cáo số: **43** /BC-BQLQ ngày **13/03/2018** của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

Hình thức nộp tiền: Chuyển khoản trực tiếp về tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa

ĐVT: VN Đồng

STT	Tên công ty, đơn vị	Số tiền thực tế thu được (Tính đến ngày 28/02/2018)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố	9.040.000	
2	Hạt kiểm lâm Thành Phố	1.430.000	
3	Bệnh viện đa khoa huyện Ngọc Lặc	52.380.000	
4	Trang trại bò sữa Như Thanh	7.722.000	
5	Công ty TNHH Tự Lập	5.200.000	
6	Kho 661	96.223.094	
7	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Hóa	11.557.000	
8	Trung tâm y tế Sầm Sơn	12.154.000	
9	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	19.486.000	
10	Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ Tân Phú Hưng	1.053.800	
11	Không xác định	4.400.000	
12	Không xác định	4.045.000	
13	Không xác định	132.000	
14	Không xác định	7.900.000	
	Tổng	232.722.894	

Phụ lục 06: Tổng hợp nộp bổ sung theo kế hoạch thu Quỹ PCTT năm 2016
chuyển sáng năm 2017

(Kèm theo báo cáo số 45 /BC-BQLQ ngày 13 / 03 / 2018 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống
thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

DVT: VN Đồng

TT (1)	Tên đơn vị (2)	Số tiền (3)	Ghi chú (4)
1	Trường THPT Nguyễn Trãi	9.489.000	
2	Trường THPT Hàm Rồng	12.700.000	
3	Trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp	4.175.000	
4	Huyện Quảng Xương	22.768.000	
5	Huyện Lang Chánh	42.540.600	
6	Huyện Bá Thước	13.665.000	
7	Tp Thanh Hóa	167.627.891	
8	Huyện Vĩnh Lộc	9.961.000	
9	UBND huyện Yên Định	190.028.501	
11	Không tên	315.000	
12	BCH tỉnh đoàn thanh hóa	4.600.000	
13	UB MTTQ tỉnh	6.450.000	
	Tổng	484.319.992	